ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM/
APPLICATION FOR PRODUCTS CERTIFICATION

A. ĐĂNG KÝ *(Phần dành cho khách hàng)/ APPLICATION*

1. THÔNG TIN CHUNG/*GENERAL INFORMATION:*			
Tên tổ chức/ *Organisation Name:*	Tiếng Việt/*in Vietnamese:*		
	Tiếng Anh/*in English:*		
Địa chỉ/ *Address:*			
Đại diện của tổ chức/ *Organisation's Representative:*	Họ và tên/*Full name:*		
	Chức vụ/*Position:*		
	Điện thoại/*Tel:*	Fax:	Email:
Người liên hệ/ *Contact Person:*	Họ và tên/*Full name*:		
	Chức vụ/*Position*:		
	Điện thoại/*Tel:*	Fax:	Email:
Số lượng cán bộ nhân viên/ *Number of Employees:*	- Tổng số CBNV trực tiếp tạo sản phẩm/*In shop floor:*		
	- Nếu sản xuất theo ca, số nhân viên trong từng ca là/ in each shift, if applicable: - *Ca 1/Shift 3:* - *Ca 2/*Shift 2*:* - *Ca 3/Shift 3:*		
2. THÔNG TIN CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATION INFORMATION:*			
Loại hình chứng nhận/ *Type of Certification:*	Chứng nhận lần đầu/ *First certificate*☐	Mở rộng chứng nhận/ *Openning scope* ☐	
	Chứng nhận chuyển đổi/ *Transferring certificate* ☐	Tái chứng nhận/ *Re-certification* ☐	
Loại hình sản phẩm/ *Type of product:*	Sản xuất trong nước/*Produce* ☐		
	Nhập khẩu/*Import* ☐		

Sản phẩm kiến nghị chứng nhận/*Products of Certification:* (có thể lập phụ lục):
Đơn vị đăng ký chứng nhận chịu trách nhiệm về tên sản phẩm, nhãn hiệu, thương hiệu đối với sản phẩm đăng ký chứng nhận

TT	Tên sản phẩm/ *Pro name*	Nhãn hiệu thương mại/ *Trademarks*	Thông số kỹ thuật/ *Specifications*	Phương thức chứng nhận *Certification mode*	Tiêu chuẩn chứng nhận/ *Certification standards*
1					
2					

Có sử dụng quá trình thuê ngoài để tạo sản phẩm/ *External Provider:*	Có/*Yes* ☐	Không/*No* ☐
	Liệt kê các quá trình thuê ngoài đó/*List bellow:*	
Địa chỉ chứng nhận/ *Certified address:*	Địa điểm 01 /*Premise No.01:*	
	Địa điểm 02 /*Premise No.02*	

<table>
<tr><td>Thời gian đề nghị đánh giá/
Time proposed for:</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">Tổ chức đã áp dụng hệ thống quản lý nào khác (ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000, OHSAS 18001, GMP...)/
Has organisation applied any management system standard?</td><td>Có /Yes ☐</td><td>Không/No ☐</td></tr>
<tr><td colspan="2">Nếu có, xin ghi rõ tên tiêu chuẩn, tổ chức chứng nhận/If Yes, please indicate the applicable standard, certification body:</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Các tài liệu kèm theo gồm/
The associated documents include:</td><td colspan="2">Đối với sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước theo PT5:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Đối với sản phẩm, hàng hóa theo lô:</td></tr>
<tr><td colspan="3">3. CÁC THÔNG TIN KHÁC/OTHER INFORMATION:</td></tr>
<tr><td>Đơn vị tư vấn cho tổ chức (nếu có)/The consultancy identity, if available:</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td>Các yêu cầu khác (nếu có)/Please let us known if you have any other requests:</td><td colspan="2"></td></tr>
</table>

Chúng tôi cam đoan các thông tin trong đăng ký chứng nhận là đúng, chúng tôi đã hiểu rõ và cam kết tuân thủ các yêu cầu trong quy định về chứng nhận sản phẩm của NAC/ *We certify that the statements made by us in this form are true and correct to the best of our knowledge. We have understood and committed to follow all requirements in "Regulation on Certification of Product"*

Ngày/*Date* Tháng/*Month* Năm/*Year*

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC/

AUTHORISED REPESENTATIVE

(Ký tên và đóng dấu/*Sign and seal)*

B. XEM XÉT ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN(Phần dành cho NAC)/*APPLICATION REVIEW (For NAC only)*

1. Đủ điều kiện: ☐ Đủ ☐ Không đủ

2. Phương thức chứng nhận:….

Tiêu chuẩn/Quy chuẩn chứng nhận:….

3. Mã khách hàng:……..... **Tần suất giám sát:** .....tháng/lần

4. Người xem xét: Tên/*Name:* ……..……**Chức vụ/***Title:*…….

Ký xác nhận/*Signature:* …… **Ngày/***Date:*…… /…… /20…..

5. Ban lãnh đạo: Tên/*Name:* ……... **Chức vụ/***Title:*……..

Ký xác nhận/*Signature:* …… **Ngày/***Date:*…… /…… /20…..